

# PHÁP HOA MẠN TRÀ LA

Hán văn: chỉnh lý **Nhiên Đăng tạp chí biên tập bộ**

Việt dịch: HUYỀN THANH



**Pháp Tướng Đồ** của Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng trên Hội **Linh Sơn** là **Pháp Hoa Mạn Trà La**,

Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** là nghĩa thanh tịnh rốt ráo, cứu cánh viên mãn, vi diệu vô thượng, dùng hoa sen làm ví dụ, biểu trưng cho sự trong sạch trắng tinh hoàn mỹ của Phật Pháp

Ngày lúc Đức Thích Tôn nói Pháp thời hiện ra mọi loại tướng tốt lành.

Kinh **Pháp Hoa**, **thấy tháp báu, phẩm 11** có cái tháp bảy báu của Đức **Đa Bảo Như Lai** (Prabhūta-ratna-tathāgata) phun vọt lên, đến làm tùy vui khen ngợi. Đức Đa Bảo Như Lai với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng ngồi trong cái tháp bảy báu, chung quanh có tám vị Đại Bồ Tát vây quanh... xưng là **Pháp Hoa Mạn Trà La**, là một trong **Pháp Tướng Đồ** trọng yếu của Mật Tông.

Đời Đường, Tam Tạng **Bất Không** (Amogha-vajra) có dịch **Pháp Hoa Mạn Trà La Uy Nghi Hình Sắc Pháp Kinh**. Trong Kinh nói rằng:

“ **Đa Bảo Như Lai:**

**Ổ Sắt** (Uṣṇīṣa:đỉnh kế) mào tóc biếc

Tam tinh, hào quang tơ

Chiếu khắp ở tất cả

Thân tướng màu vàng rực (hoàng kim)

Định Tuệ (2 tay trái phải) **Trí Quyền Ấn**

Già Phu, phải đè trái

Tả Bức Luân (lòng bàn chân trái) rũ xuống

Thân mặc áo cà sa

An trụ hoa sen lớn

Thường dạo vành trăng đầy

Ánh sáng đẹp cùng khắp

Phun hiện trong tháp báu

Chứng thành Diệu Pháp Luân

Thường khiến chẳng đoạn tuyệt

Rộng độ loài chúng sinh.

\_ **Thích Ca Như Lai**

**Nị Sa** (Uṣṇīṣa:đỉnh kế), tóc xanh biếc

Tam tinh, hào quang trắng

Chiếu phương Đông: tám vạn

Thân tướng màu vàng rực (hoàng kim)

Tả Định (tay trái) kết **Quyền Ấn**

Hữu Tuệ (tay phải) mở phương ngoài

Co ngón út Vô Minh

Hợp ngón giữa, trỏ, cái

Già Phu, trái đè phải

Hữu Bức Luân (lòng bàn chân phải) rũ xuống

Khoác mặc áo cà sa

An trụ hoa sen trắng

Thường dạo trong vành trăng

Ánh sáng đỏ rực rỡ

Vì khiến **Giáo** lưu bày

Trụ đầy mà nói Pháp

Chúng Tam Muội vây quanh”

\_Bát Diệp Liên Hoa Vương ấy từ hoa ở góc Đông Bắc chuyển theo bên phải dùng **Di Lạc** (Maitreya) làm đầu, an trí tám vị Đại Bồ Tát như bên dưới:

Phương Đông Bắc: Di Lạc Bồ Tát

Phương Đông: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Phương Đông Nam: Dược Vương Bồ Tát

Phương Nam: Diệu Âm Bồ Tát

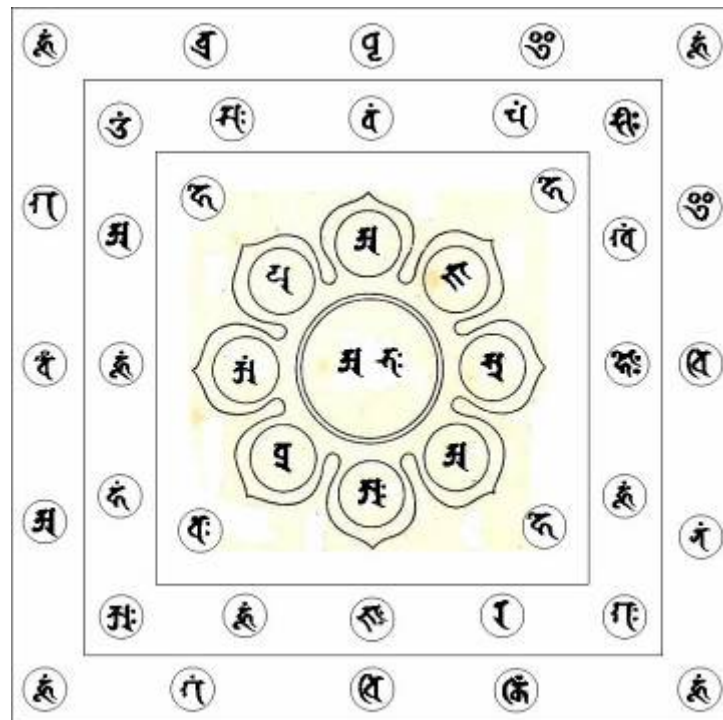
Phương Tây Nam: Thường Tinh Tiến Bồ Tát

Phương Tây: Vô Tận Ý Bồ Tát

Phương Tây Bắc: Quán Thế Âm Bồ Tát

Phương Bắc: Phổ Hiền Bồ Tát

\*) Theo người dịch thì **Diệu Pháp Liên Hoa Man Đà La** được trình bày đầy đủ như sau:



1\_ **Nội Viện:** ở chính giữa có 14 Tôn

a\_ Đài hoa chính giữa :có 2 Tôn

.) Bên trái: Đa Bảo (𠄎\_A)

.) Bên Phải: Thích Ca (𠄎\_BHAH)

b\_ Tám cánh hoa ở 8 phương: có 8 Tôn

.) Phương Đông Bắc : Di Lạc (𠄎\_YU)

.) Phương Đông : Văn Thù (𠄎\_A)

.) Phương Đông Nam: Dược Vương (𠄎\_JA), hay (𠄎\_AM)

.) Phương Nam: Diệu Âm (𠄎\_SU), hay (𠄎\_Ā)

.) Phương Tây Nam: Tinh Tiến (𠄎\_A)

.) Phương Tây: Vô Tận Ý (𠄎\_AH), hay (𠄎\_AM)

.) Phương Tây Bắc: Quán Thế Âm (𠄎\_BU)

.) Phương Bắc: Phổ Hiền (𠄎\_AM), hay (𠄎\_AH)

c- Bốn góc: có 4 Tôn

.) Đông Bắc: Ma Ha Ca Diếp (𠄎\_HE)

.) Đông Nam: Tu Bồ Đề (𠄎\_HE)

.) Tây Nam: Xá Lợi Phất (𠄎\_HE)

.) Tây Bắc: Đại Mục Kiền Liên (𠄎\_VAH)

2\_ **Viện thứ hai:** có 16 Tôn:

\_ Cửa Đông: Kim Cương Toả (𠄎\_VAM)

\_ Cửa Nam: Kim Cương Linh (𠄎\_HOH)

\_ Cửa Tây: Kim Cương Câu (𠄎\_JAH)

\_ Cửa Bắc: Kim Cương Sách (𠄎\_HŪM)

\_ Góc Đông Bắc: Cúng Dường Hoa (𠄎\_OM), hay (𠄎\_TRT)

\_ Góc Đông Nam: Cúng Dường Đẳng (𠄎\_DĪH)

\_ Góc Tây Nam: Đồ Hương Cúng Dường (𠄎\_GAH), hay (𠄎\_KRT)

\_ Góc Tây Bắc: Thiêu Hương Cúng Dường (𠄎\_AH), hay (𠄎\_HOH)

\_ Phía Bắc cửa Đông: Đại Thế Chí (𠄎\_SAH)

\_ Phía Nam cửa Đông: Bảo Thủ (𠄎\_PAM)

\_ Phía Đông cửa Nam: Bảo Tràng (𠄎\_KHAM)

\_ Phía Tây cửa Nam: Tinh Tú Vương (𠄎\_HŪM)

\_ Phía Nam cửa Tây: Bảo Nguyệt (𠄎\_RA)

\_ Phía Bắc cửa Tây: Mãn Nguyệt (𠄎\_HŪM)

\_ Phía Đông cửa Bắc: Nhất Thiết Nghĩa Thành Trụ (𠄎\_A)

\_ Phía Tây cửa Bắc: Dũng Tỳ (𠄎\_HAM)

3\_ **Viện thứ ba:** Có 16 Tôn

\_ Cửa Đông: Tri Quốc Thiên Vương (𠄎\_DHR)

\_ Cửa Nam: Tăng Trưởng Thiên Vương (𠄎\_VI)

\_ Cửa Tây: Quảng Mục Thiên Vương (𠄎\_VI)

\_ Cửa Bắc: Đa Văn Thiên Vương (𠄎\_VAI)

\_ Phía Bắc cửa Đông: Đại Phạm Thiên (𠄎\_BRA)

\_ Phía Nam cửa Đông: Đê Thích (𠄎\_I)

- \_ Phía Đông cửa Nam: Đại Tự Tại Thiên (ॐ\_I)
- \_ Phía Tây cửa Nam: Nan Đà Long Vương (ॐ\_NAM)
- \_ Phía Nam cửa Tây: Diệu Pháp Khẩn Na La Vương (ॐ\_KIM)
- \_ Phía Bắc cửa Tây: Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương (ॐ\_GAM)
- \_ Phía Đông cửa Bắc: Như Ý Ca Lô La Vương (ॐ\_GA)
- \_ Phía Tây cửa Bắc: La Hầu A Tu La Vương (ॐ\_A)
- \_ Góc Đông Bắc: Ô Sô Sa Ma (ॐ\_HŪM)
- \_ Góc Đông Nam: Thánh Quân Trà Lợi (ॐ\_HŪM)
- \_ Góc Tây Nam: Bất Động Minh Vương (ॐ\_HŪM)
- \_ Góc Tây Bắc: Thánh Giáng Tam Thế (ॐ\_HŪM)

**\*)Pháp Hoa Can (lá Gan) Tâm (trái Tim) Chân Ngôn là :**

ॐ मम नमो बुद्धे

ॐ मम नमो

सर्व बुद्धे सुखं वक्ष्यते गगना स्वला कश्चि

सर्वं कः

वज्रं रक्षं हूं हूं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM

OM\_A Ā AM AH

SARVA BUDDHA JÑĀNA CAKṢOBHYA GAGANA SVĀLA KṢNI \_  
SADDHARMA PUṆḌARIKA SUTRĀM

JAḤ HŪM VAḤ HOḤ

VAJRA RAKṢA MĀM\_HŪM SVĀHĀ

ॐ मम नमो बुद्धे

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM: Quy mệnh các Phật Đà

ॐ

OM: là *ba Thân*, dùng ba chữ hàm chứa một chữ. Chữ ấy tại thủ hộ. Đây tức là nghĩa đầy đủ ba Thân

म

A: nghĩa là *mở bày* (khai) *tri kiến của Phật*

म

Ā: nghĩa là *bảo cho biết* (Thị) *tri kiến của Phật*

म

AM: nghĩa là *hiểu thấu* (Ngộ) *tri kiến của Phật*

म

AH: nghĩa là *nhập vào* (nhập) *tri kiến của Phật*

Đây tức là chủng tử của bốn vị Phật ở bốn phương

सर्व बुद्धे

SARVA BUDDHA: nghĩa là *tất cả Phật*

ज्ञान

JÑĀNA: nghĩa là *Trí*

वक्ष्यते

CAKṢHYA: nghĩa là *thấy*, nghĩa là *thấy biết Pháp Giới*

स्व

SVĀLA: nghĩa là *nư Tinh hư không*

क

KṢNI: nghĩa là *lià khô*

Đầy đều là Công Đức của phương tiện

सद्धर्म

SADDHARMA: **sad** nghĩa là *Diệu, Chính*, **dharma**: nghĩa là *Pháp*.  
SADDHARMA là Diệu Pháp

पुण्डरीक

PUNḌARIKA: nghĩa là *tám cánh hoa sen trắng*

सुत्र

SUTRĀM: nghĩa là *Kinh*

Đây tức nghĩa là *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*

जह्मुवहो

JAḤ HŪM VAḤ HOḤ

JAḤ : nghĩa là *nhập vào, đi vào*

HŪM: nghĩa là *cùng khắp, khắp cả*

VAḤ: nghĩa là *chẳng thể đắc*

HOḤ: nghĩa là *vui vẻ*

वज्र

VAJRA: nghĩa là *Kim Cương bền chắc*

रक्षाम्हम्

RAKṢA MĀM HŪM: nghĩa là *Giả, Không, Vô Tướng*. Tức là mật nói nghĩa *xa lia gốc* (viễn bản), cho nên Phẩm **Phương Tiện** nói: « Từ Kiếp lâu xa đến nay, khen ngợi Pháp Niết Bàn đó. Giả tức là nghĩa này, nghĩa *Không, Vô Tướng* là nghĩa Công Đức thuộc ba Môn giải thoát của Văn Thù Sư Lợi, dùng Văn Thù làm Bản Tôn. Phẩm **Phương Tiện** đó là **Can Tâm Chân Ngôn** bao gồm cái thật của gốc (Bản Thật) vậy »

Tụng một biến **Pháp Hoa Can Tâm Chân Ngôn** ngang bằng với tụng 40 vạn bộ Kinh Pháp Hoa.

Trong phần **Tán Niệm Tụng** có thể tụng thêm Chân Ngôn này.

Theo Khâu Quyết của **Truyền Giáo Đại Sư** thì: Kết **Bát Diệp Liên Hoa Ấn** hồi chuyển trên Chấn Đa Tâm, vận tại 10 Pháp Giới rồi giải tán trên đỉnh đầu.

09/03/2014